TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DSST
Ngày 15-11-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Vượng; Ông Tạ Văn Doanh.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn:

- Anh **Triệu Văn Đ**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
- Chị **Vi Thị Th**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày:

Ngày 30/7/2018 anh có cho vợ chồng chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), mục đích vay tiền để buôn bán, phát triển kinh tế gia đình (Buôn hoa quả). Vợ chồng chị Th cùng đến nhà anh vay tiền, chị Th là người nhận tiền (tiền mặt). Chị Th, anh Đ viết giấy biên nhận vay tiền và cùng

ký tên vào giấy biên nhận, thời hạn vay là 1 tháng kể từ ngày 30/7/2018, không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 06/8/2018 vợ chồng chị Th, anh Đ tiếp tục đến nhà anh đặt vấn đề vay thêm 40.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để trả tiền ngân hàng (đáo hạn). Chị Th là người trực tiếp nhận tiền, khoản vay này không viết giấy biên nhận, chỉ có vợ chồng chị Th cùng anh tiến hành giao dịch, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng.

Ngày 08/8/2018 chị Th lại đến nhà anh hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để trả tiền ngân hàng (đáo hạn). Chị Th là người trực tiếp nhận tiền, hai bên có viết giấy vay. Thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5% tháng (Không ghi trong giấy vay tiền).

Đến hạn thanh toán, vợ chồng chị Th – anh Đ không thực hiện đúng cam kết, không trả anh những khoản vay trên, cũng không trả được đồng lãi nào như thỏa thuận miệng. Anh có lên nhà chị Th nhiều lần để đòi tiền nhưng chị Th nói là chưa có tiền.

Ngày 15/12/2018 vợ chồng chị Th viết một giấy tiền vay mới để chốt nợ của 03 khoản vay lại thành một món với tổng số tiền là 110.000.000 đồng, đồng thời anh Đ cũng hủy bỏ những giấy vay tiền trước của vợ chồng chị Th đi. Theo giấy biên nhận vay tiền (chốt nợ) này, vợ chồng chị Th, anh Đ sẽ phải trả toàn bộ số tiền 110.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn Đ vào ngày 15/02/2019. (Thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày chốt nợ).

Đến ngày 15/02/2019 không thấy chị Th, anh Đ trả tiền nên anh có đến đòi nhiều lần nhưng chị Th chưa trả.

Nay anh Hoàng Văn Đ khởi kiện yêu cầu chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải liên đới trả anh toàn bộ số nợ gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi của số nợ trên kể từ ngày 16/02/2019 đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất là 10%/năm.

Ngày 16/9/2019 Tòa án đã tống đạt thông báo thụ vụ án cho chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ, hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của bị đơn.

Vào ngày 27/9/2019 và ngày 10/10/2019 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ đều vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho phía bị đơn được biết.

Tòa án nhiều lần triệu tập chị Th, anh Đ đến làm việc nhưng chị Th, anh Đ đều vắng mặt không lý do nên không lấy được lời khai của các bị đơn.

Tại phiên toà hôm nay:

Anh Hoàng Văn Đ là nguyên đơn trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ phải trả nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi 10% trên số nợ gốc kể từ ngày 16/02/2019 đến ngày xét xử vụ án.

Bị đơn là chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không tham gia các phiên hòa giải, công khai và kiểm tra tài liệu chứng cứ, không có mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 147, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Đ: Buộc chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải liên đới trả anh Hoàng Văn Đ số nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/02/2019 đến ngày 15/11/2019 (08 tháng 29 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là 110.000.000 đồng x 08 tháng 29 ngày x 10%/năm (tương ứng 0,833%/tháng và 0,028%/ngày) = 8.223.600 đồng. Tổng cả gốc và lãi phải trả là 118.223.600 đồng.

Thời hạn trả nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại anh Hoàng Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa anh Hoàng Văn Đ và chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Bị đơn chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn,

tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Giao dịch vay tiền giữa anh Hoàng Văn Đ và vợ chồng chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ được xác lập tại văn bản ghi là "Biên bản vay tiền theo thỏa thuận" không đề ngày tháng năm nhưng thể hiện thời hạn vay "Kể từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/02/2019". Theo văn bản này thì chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ vay tiền mặt của anh Hoàng Văn Đ ba lần, cụ thể lần 1 vào ngày 03/7/2018 vay 20.000.000 đồng; Lần 2 ngày 06/8/2018 vay 40.000.000 đồng và lần 3 vào ngày 08/8/2018 vay số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng cả ba lần vay là 110.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 15/02/2019, không lãi suất.

Nay anh Hoàng Văn Đ kiện đòi số tiền 110.000.000 đồng cùng tiền lãi từ ngày 16/02/2019 đến ngày xét xử vụ án. Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015 thì việc anh Hoàng Văn Đ khởi kiện đối với vợ chồng chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ là còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự giữa anh Hoàng Văn Đ và chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ được xác lập vào ngày 15/12/2018, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành, do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[1.4] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt: Bị đơn là chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, phiên đối chất, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng chị Thinh, anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên Tòa không lý do. Ngày 11/11/2019, Tòa án phải hoãn phiên tòa do các bị đơn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay chị Th, anh Đ tiếp tục vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với những người trên.

[2] Về nội dung:

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị Th, anh Đ đều vắng mặt không lý do. Quá trình giải quyết vụ án, qua việc tống đạt các văn bản tố tụng đã xác định cả chị Th và anh Đ vẫn đều đang cư trú tại địa phương, tuy nhiên những người này luôn cố ý trốn tránh, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án. Chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của những người này.

Căn cứ lời khai của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì thấy: Anh Hoàng Văn Đ và vợ chồng chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ

có quan hệ quen biết. Do cần tiền để chi tiêu và sử dụng vào mục đích buôn bán nên chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ đã nhiều lần vay tiền của anh Đ. Do chưa có tiền để thanh toán cho anh Đ nên ngày 15/12/2018 các bên đã thống nhất chốt nợ bằng một giấy biên nhận, thể hiện số tiền chị Th, anh Đ vay của anh Đ là 110.000.000 đồng.

Như vậy căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền này thể hiện anh Hoàng Văn Đ là bên cho vay, chị Th, anh Đ là bên vay, tài sản vay là tiền mặt, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn phải thanh toán ghi "Kể từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/02/2019", có nghĩa là khoản vay 110.000.000 đồng có thời hạn vay 02 tháng. Văn bản có chữ viết, chữ ký của chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ.

Xét thấy có đủ căn cứ khẳng định ngày 15/12/2018 chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ có thỏa thuận chốt nợ với anh Hoàng Văn Đ số tiền 110.000.000 đồng. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp do vợ chồng chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ vi phạm thỏa thuận, không trả nợ vào ngày 15/02/2019. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Đ là chính đáng, có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Căn cứ giấy biên nhận vay tiền thể hiện các bên không tính lãi của số tiền vay, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi trong hạn. Xét thấy sự thỏa thuận này của các bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét vấn đề lãi suất trong hạn.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu chị Vi Thị Th, anh Triệu Văn Đ phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày phát sinh tranh chấp 16/02/2019 đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất 10% năm trên số tiền nợ gốc. Xét thấy nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặt khác người cho vay có quyền đòi tiền lãi theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, mức lãi suất 10%/năm mà nguyên đơn đưa ra là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do vậy yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Tại thời điểm vay tiền (chốt nợ) chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ vẫn đang là vợ chồng, khoản vay 110.000.000 đồng do chị Th, anh Đ cùng thực hiện, cùng ký kết nên số tiền này là tài sản chung và khoản nợ này cũng là nợ chung của vợ chồng chị Th, anh Đ. Do đó chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho anh Hoàng Văn Đ toàn bộ nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện là phù hợp quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của anh Hoàng Văn Đ được chấp nhận, nên chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Đ:

- Buộc chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải liên đới trả cho anh Hoàng Văn Đ số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

- Buộc chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải liên đới trả cho anh Hoàng Văn Đ số tiền lãi từ ngày 16/02/2019 đến ngày 11/11/2019 là:

- 110.000.000 đồng x 10%/năm (tương ứng 0,833%/tháng) x 08 tháng = 7.330.400 đồng (Bẩy triệu ba trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng)

- 110.000.000 đồng x 10%/năm (tương ứng 0,278%/ngày) x 29 ngày = 893.200 đồng (Tám trăm chín ba nghìn hai trăm đồng).

Tổng số tiền lãi phải trả là: 8.223.600 đồng (Tám triệu hai trăm hai ba nghìn sáu trăm đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi buộc chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải liên đới trả anh Hoàng Văn Đ là **118.223.600** đồng (Một trăm mười tám triệu hai trăm hai ba nghìn sáu trăm đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Vi Thị Th và anh Triệu Văn Đ phải liên đới chịu án phí là 118.223.600 đồng x 5% = 5.911.180 đồng.

Chị Th, anh Đ mỗi người phải chịu **2.955.600** đồng (Hai triệu chín trăm lăm năm nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Hoàng Văn Đ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0005699 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn